

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ANH**

ĐỒNG NAI, 2018

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ANH**

ĐỒNG NAI, 2018

Mục lục

| | |
|--|-----|
| 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO..... | 1 |
| 2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | 2. |
| 3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO..... | 3 |
| 4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA..... | 5. |
| 5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH | 5. |
| 6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP..... | 6. |
| 7. THANG ĐIỂM..... | 6. |
| 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH | 6. |
| 9. PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO..... | 9. |
| 10. MÔ TẢ NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG ĐVTC CÁC HỌC PHẦN | 13. |

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ**

Tên chương trình: Sư phạm tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Anh

Loại hình đào tạo: Chính quy

*(Ban hành theo quyết định số: /QĐ-DHĐN ngày tháng năm
của Hiệu trưởng trường Đại học Đồng Nai)*

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) ngành sư phạm Anh

Chương trình ngành sư phạm tiếng Anh trình độ đại học đào tạo những cử nhân có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng các qui định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của người giáo viên giảng dạy tiếng Anh trong các trường phổ thông, các trung tâm ngoại ngữ, các cơ sở giáo dục, quản lý chuyên môn ở các trường học...; có năng lực tự học nhằm hoàn thiện bản thân, học tập nâng cao trình độ.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành sư phạm Anh

Tên chương trình (Tiếng Việt): Sư phạm Anh

Tên chương trình (Tiếng Anh): English Teacher Education

Mã ngành đào tạo:

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Đồng Nai

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Hình thức đào tạo: Chính qui

Thời gian đào tạo: 4 năm

Số tín chỉ: 137

2. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

2.1. Sứ mạng - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi của trường Đại học Đồng Nai

- **Sứ mạng**

Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng mục đích phát triển toàn diện người học. Hợp tác, nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ phục vụ sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Đồng Nai.

- **Tầm nhìn**

Xây dựng nhà trường thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng uy tín chất lượng hàng đầu của tỉnh Đồng Nai và khu vực. Hướng tới các mục tiêu: Tập trung đội ngũ các chuyên gia giáo dục, cán bộ giảng viên có trách nhiệm, trình độ cao. Nội dung chương trình đào tạo tiên tiến, có sự hợp tác quốc tế sâu rộng. Cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội tỉnh Đồng Nai và cả nước.

- **Giá trị cốt lõi**

1. Chất lượng – Hiệu quả
2. Đổi mới – Sáng tạo
3. Kế thừa – Phát triển
4. Hợp tác - Hội nhập
5. Trách nhiệm - Công hiến

2.2. Mục tiêu chiến lược của Khoa Ngoại ngữ

Phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ và năng lực đáp ứng nhiệm vụ nghiên cứu và giảng dạy trong giai đoạn mới, tăng cường hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện và cơ hội học tập tốt nhất cho người học.

Nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân của người học nhằm đáp ứng thị trường lao động trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Phát triển năng lực chuyên môn của ngoại ngữ của người học đạt chuẩn qui định bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, đáp ứng quy định khung trình độ quốc gia Việt Nam và các chuẩn quốc tế.

2.3. Mục tiêu đào tạo:

- Về kiến thức:

- Trang bị kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng cộng sản Việt nam và các kiến thức pháp luật đại cương.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về chính trị; văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc nghề nghiệp và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực chuyên môn.

- Thực hành các thủ thuật dạy kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ pháp, luyện âm) và kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) theo hướng giao tiếp trong thời gian giảng tập trong lớp học và thực tập sư phạm tại các nơi thực tập. Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy. Ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực chuyên môn.

- Kiến thức về vấn đề chuyên biệt như dạy học phân hóa và tích hợp, quản lý hoạt động dạy và học Tiếng Anh; phát triển năng lực tự học Tiếng Anh cho người học để đáp ứng nhu cầu phục vụ xã hội.

- Về kỹ năng:

- Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Giao tiếp tốt trong mọi tình huống.

- Biết cách lên ý tưởng công việc, biết tư duy sáng tạo. Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường giáo dục và trong quá trình hội nhập quốc tế.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả các phương tiện hiện đại trong dạy và học tiếng Anh. Lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát quá trình làm việc một cách hiệu quả, sáng tạo trong chuyên môn.

- Về thái độ:

- Tuân thủ chấp hành tốt kỷ cương pháp luật, đường lối, chính sách của nhà nước.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm, yêu học sinh, yêu nghề, tôn trọng và quan hệ tốt với học sinh, phụ huynh và đồng nghiệp.

- Hiểu biết và tôn trọng văn hóa các nước. Có ý thức phục vụ cộng đồng, phục vụ xã hội; có trách nhiệm xã hội.

**3. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Program learning outcomes -
Viết tắt là PLOs)**

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT ngành sư phạm Anh, Chuẩn nghề nghiệp quốc tế thể hiện năng lực thực hiện KSA (Knowledge, Skills, Attitudes)

| PLOs | PLO Detail |
|--|--|
| A1. Kiến thức chung (General Knowledge) | |
| PLO1 | 1.1. 1.1. Hiểu và áp dụng vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học của những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| PLO2 | 1.2. Vận dụng các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngôn ngữ để tiếp nhận những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. |

| | |
|--|---|
| PLO3 | 1.3. Phân tích các kiến thức về văn hóa, xã hội, lịch sử, địa lý, dân tộc... làm nền tảng để nắm bắt kiến thức chuyên ngành. |
| PLO4 | 1.4. Nắm vững kiến thức về giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và an ninh; các chủ trương phát triển đường lối kinh tế, xã hội và giáo dục Việt nam. |
| A2. Kiến thức theo chức danh nghề nghiệp (Occupational Knowledge) | |
| PLO5 | 2.1. Kiến thức thiết yếu về khoa học ngôn ngữ và ứng dụng của ngôn ngữ học; viết báo cáo khoa học, làm nền tảng cho công tác giảng dạy, nghiên cứu và phát triển chuyên môn. |
| PLO6 | 2.2. Phân tích sách giáo khoa, nắm vững phương pháp soạn giáo án, sáng tạo và sử dụng giáo cụ trực quan cho việc giảng dạy. |
| PLO7 | 2.3. Nắm vững lý luận và phương pháp; kỹ thuật và phương tiện dạy học hiện đại trong dạy học ngoại ngữ; phương pháp nghiên cứu cải tiến, nhằm hướng đến phát triển phẩm chất và năng lực cho người học trong giảng dạy tiếng Anh. |
| B1. Kỹ năng chung (General Skills) | |
| PLO8 | 1.1. Sử dụng tiếng Anh thành thạo, linh hoạt, hiệu quả, trong giao tiếp và trong giảng dạy phù hợp với đối tượng, đáp ứng yêu cầu hiện hành. |
| PLO9 | 1.2. Vận dụng kỹ năng tư duy, giao tiếp tiếng Anh, thuyết trình trước đám đông, và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả vào quản lý lớp học và truyền đạt kiến thức một cách khoa học và hệ thống. |
| PLO10 | 1.3 Xây dựng kế hoạch dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; điều chỉnh kế hoạch dạy học và giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương; quản lý dạy học môn học có tính hệ thống, khoa học và sư phạm. |
| B2. Kỹ năng nghề nghiệp (Occupational Skills) | |
| PLO11 | 2.1. Thực hiện các hoạt động theo hướng giao tiếp và đa dạng hóa các thủ thuật dạy học để khuyến khích học sinh học tập cũng như nâng cao tính tích cực của học sinh. |
| PLO12 | 2.2. Thực hiện thành thạo các kỹ năng xây dựng kế hoạch giảng dạy tiếng Anh, thiết kế giáo án, kiểm tra đánh giá kế hoạch học tập của học sinh, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, hiệu quả của sự nghiệp giáo dục trong việc đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy - học. |
| PLO13 | 2.3. Phát hiện và giải quyết được các vấn đề liên quan đến việc dạy học và giáo dục học sinh; phân tích, tổng hợp và trình bày thông tin, kết quả công việc. |
| C. Mức tự chủ trách nhiệm của người học (Attitudes) | |
| PLO14 | 1.1. Có thái độ chính trị đúng đắn và tuân thủ pháp luật. Có lối sống lành mạnh, văn minh, phù hợp với bản sắc dân tộc và nghề giáo, làm tấm gương tốt cho học sinh. |

| | |
|--------------|---|
| PLO15 | 1.2. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, tận tâm, nhiệt tình, thương yêu và tôn trọng nhân phẩm và ý kiến của học sinh, đối xử công bằng và bình đẳng với học sinh, quan hệ tốt với phụ huynh và đồng nghiệp. |
|--------------|---|

Bảng 2. Quan hệ giữa mục tiêu (POs) với chuẩn đầu ra (PLOs) của CTĐT

| Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs) | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) | | | | | | | | | | | | | | |
|---|------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 |
| 1 | x | | | | | | | | | | | | | x | x |
| 2 | | x | x | x | | | | | | | | | | x | |
| 3 | | | | | x | x | x | x | | | | | | | |
| 4 | | | | | | x | | | | x | x | x | | | |
| 5 | | | | | x | | | | | | x | x | x | | |
| 6 | | | | | | | | | x | | x | x | x | | |
| 7 | | | | | | | x | x | | x | | x | | | |
| 8 | x | x | | x | | | | | | | | | | x | x |
| 9 | | | | | | | | | x | | | | x | x | x |
| 10 | | | x | | | | | | | | x | | | x | x |

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

137 đơn vị tín chỉ (viết tắt là TC) không tính các học phần GDTC và GDQP-AN.

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

5.1. Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện sau đây đều được dự thi tuyển vào chuyên ngành này:

-Đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, trung cấp chuyên nghiệp, trung học nghề, trung cấp nghề (sau đây gọi chung là trung học);

- Người đã tốt nghiệp trung cấp nghề phải là người đã tốt nghiệp trung học cơ sở, đã học đủ khối lượng kiến thức và thi tốt nghiệp các môn văn hóa THPT đạt yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT;

-Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho dự thi tuyển sinh tùy tình trạng sức khoẻ và yêu cầu của người học;

- Trong độ tuổi quy định đối với những ngành có quy định hạn chế tuổi;
- Về khu vực dự tuyển, tuyển trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Có hộ khẩu ở Đồng Nai)

5.2. Những người không đủ các điều kiện kể trên và những người thuộc diện dưới đây không được dự thi:

- Không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự;
- Đang trong thời kỳ thi hành án hình sự;
- Bị tước quyền dự thi tuyển sinh hoặc bị kỷ luật buộc thôi học chưa đủ hai năm (tính từ năm bị tước quyền dự thi hoặc ngày ký quyết định kỷ luật đến ngày dự thi);
- Học sinh, sinh viên chưa được Hiệu trưởng cho phép dự thi (bằng văn bản); cán bộ, công chức, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân chưa được thủ trưởng cơ quan cho phép đi học.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục-Đào tạo.

7. THANG ĐIỂM

Sử dụng thang điểm 10 và thực hiện việc chuyển điểm theo quy chế 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 08 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

| NỘI DUNG | SỐ TÍN CHỈ | TÍN CHỈ BẮT BUỘC | TÍN CHỈ TỰ CHỌN |
|--|------------|------------------|-----------------|
| Khối kiến thức chung | 23 | | |
| Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm | 34 | | |
| Khối kiến thức cơ sở ngành | 6 | 4 | 2/4 |
| Khối kiến thức chuyên sâu của ngành | 69 | 67 | 2/8 |

| | | | |
|---|------------|--|--|
| Khóa luận TN hoặc các học phần thay thế | 5 | | |
| Tổng | 137 | | |

Chương trình đào tạo

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ |
|-----------|---|-------------|
| A | Khối kiến thức đại cương | 23 |
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 1 | 2 |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 2 | 3 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 4 | Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 |
| 5 | Tin học đại cương | 2 |
| 6 | Ngoại ngữ 2 (học phần 1) | 2 |
| 7 | Ngoại ngữ 2 (học phần 2) | 2 |
| 8 | Ngoại ngữ 2 (học phần 3) | 3 |
| 9 | PPNK Khoa học tiếng Anh | 2 |
| 10 | Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành GD-ĐT | 2 |
| 11 | Giáo dục thể chất | 3 |
| 12 | Giáo dục quốc phòng | 165T |
| B | Khối kiến thức đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm | 34 |
| | a. Kiến thức cơ sở chung | 14 |
| 13 | Tâm lý học đại cương | 2 |
| 14 | Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm | 3 |
| 15 | Giáo dục học đại cương | 2 |
| 16 | Lý luận dạy học và lý luận giáo dục | 3 |
| 17 | Giao tiếp sư phạm | 2 |
| 18 | Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh | 2 |
| | b. Thực hành sư phạm | 12 |
| 19 | Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên | 3 |
| 20 | Thực hành dạy học tại trường sư phạm | 2 |
| 21 | Kiểm tập sư phạm | 2 |

| | | |
|------------|---|-------------------|
| 22 | Thực tập sư phạm | 5 |
| | c. Kiến thức, kỹ năng và năng lực dạy học chuyên ngành | 8 |
| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ |
| 23 | Cơ sở lí luận dạy và học ngôn ngữ | 2 |
| 24 | Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1 | 3 |
| 25 | Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2 | 3 |
| C | Khối kiến thức chuyên ngành | 75 |
| I | Khối kiến thức cơ sở ngành | 6 |
| | a. Bắt buộc | |
| 26 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 |
| 27 | Ngôn ngữ đối chiếu Anh-Việt | 2 |
| | b. Tự chọn | 2/4 |
| 28 | Tiếng Việt thực hành | 2 |
| 29 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 |
| II | Khối kiến thức chuyên sâu của ngành | 69 |
| | a. Bắt buộc | 67 |
| 30 | Nghe cơ bản 1 | 2 |
| 31 | Nghe cơ bản 2 | 2 |
| 32 | Nghe cơ bản 3 | 2 |
| 33 | Nghe cơ bản 4 | 2 |
| 34 | Nghe nâng cao | 2 |
| 35 | Nói cơ bản 1 | 2 |
| 36 | Nói cơ bản 2 | 2 |
| 37 | Nói cơ bản 3 | 2 |
| 38 | Nói cơ bản 4 | 2 |
| 39 | Nói nâng cao | 2 |
| 40 | Đọc cơ bản 1 | 2 |
| 41 | Đọc cơ bản 2 | 2 |
| 42 | Đọc cơ bản 3 | 2 |
| 43 | Đọc cơ bản 4 | 2 |
| 44 | Đọc nâng cao 1 | 2 |
| 45 | Đọc nâng cao 2 | 2 |

| | | |
|------------|---|-------------------|
| 46 | Viết cơ bản 1 | 2 |
| 47 | Viết cơ bản 2 | 2 |
| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ |
| 48 | Viết cơ bản 3 | 2 |
| 49 | Viết cơ bản 4 | 2 |
| 50 | Viết nâng cao 1 | 2 |
| 51 | Viết nâng cao 2 | 2 |
| 52 | Ngữ âm thực hành 1 | 2 |
| 53 | Ngữ âm thực hành 2 | 2 |
| 54 | Ngữ pháp 1 | 3 |
| 55 | Ngữ pháp 2 | 3 |
| 56 | Ngữ âm học | 2 |
| 57 | Cú pháp học | 2 |
| 58 | Đất nước học Anh | 2 |
| 59 | Ngữ nghĩa học | 2 |
| 60 | Đất nước học Mỹ | 2 |
| 61 | Dịch Anh - Việt | 3 |
| | b. Tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần) | 2/8 |
| 62 | Phân tích diễn ngôn * | 2 |
| 63 | Ngữ dụng học * | 2 |
| 64 | Hình thái học * | 2 |
| 65 | Giao thoa văn hóa * | 2 |
| D | Khóa luận hoặc các học phần thay thế | 5 |
| 66 | Khóa luận | 5 |
| | Các học phần thay thế | 5 |
| 67 | Dịch Việt - Anh | 3 |
| 68 | Kỹ năng thuyết trình | 2 |
| | Tổng: | 137 |

9. PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO

| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | HỌC KỲ | | | | | | | |
|-----|----------------------|------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| A | Khối kiến thức chung | 23 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|-----------|---|------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 1 | 2 | | 2 | | | | | | |
| 2 | Những nguyên lý cơ bản của triết | 3 | | | 3 | | | | | |
| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | HỌC KỲ | | | | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | học Mác - Lênin 2 | | | | | | | | | |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 | | | | 2 | | | | |
| 4 | Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | | | | | 3 | | | |
| 5 | Tin học đại cương | 2 | | 2 | | | | | | |
| 6 | Ngoại ngữ 2 (học phần 1) | 2 | 2 | | | | | | | |
| 7 | Ngoại ngữ 2 (học phần 2) | 2 | | 2 | | | | | | |
| 8 | Ngoại ngữ 2 (học phần 3) | 3 | | | 3 | | | | | |
| 9 | PPNK Khoa học tiếng Anh | 2 | | | | 2 | | | | |
| 10 | Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý GDĐT | 2 | | | | 2 | | | | |
| 11 | Giáo dục thể chất | 3 | x | x | x | | | | | |
| 12 | Giáo dục quốc phòng | 165T | | | | | | | | |
| B | KHỐI KIẾN THỨC ĐÀO TẠO VÀ RÈN LUYỆN NĂNG LỰC SỰ PHẠM | 34 | | | | | | | | |
| I | Kiến thức cơ sở chung | 14 | | | | | | | | |
| 13 | Tâm lý học đại cương | 2 | 2 | | | | | | | |
| 14 | Tâm lý học lứa tuổi và sự phạm | 3 | | 3 | | | | | | |
| 15 | Giáo dục học đại cương | 2 | | 2 | | | | | | |
| 16 | Lý luận dạy học và lý luận giáo dục | 3 | | | 3 | | | | | |
| 17 | Giao tiếp sự phạm | 2 | | | | 2 | | | | |
| 18 | Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh | 2 | | | | | | | 2 | |
| II | Thực hành sự phạm | 12 | | | | | | | | |
| 19 | Rèn luyện nghiệp vụ sự phạm thường xuyên | 3 | | | | | | | 3 | |
| 20 | Thực hành dạy học tại trường sự phạm | 2 | | | | | | 2 | | |

| | | | | | | | | | | |
|------------|--|-------------------|---------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 21 | Kiến tập sư phạm | 2 | | | | | 2 | | | |
| 22 | Thực tập sư phạm | 5 | | | | | | | | 5 |
| III | Kiến thức, kỹ năng và năng lực | 8 | | | | | | | | |
| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | HỌC KỲ | | | | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | dạy học chuyên ngành | | | | | | | | | |
| 23 | Cơ sở lí luận dạy và học ngôn ngữ | 2 | | | 2 | | | | | |
| 24 | Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1 | 3 | | | | 3 | | | | |
| 25 | Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2 | 3 | | | | | 3 | | | |
| C | Khối kiến thức chuyên ngành | 75 | | | | | | | | |
| I | Khối kiến thức cơ sở ngành | 6 | | | | | | | | |
| a. | Bắt buộc | 4 | | | | | | | | |
| 26 | Dẫn luận ngôn ngữ học | 2 | 2 | | | | | | | |
| 24 | Ngôn ngữ đối chiếu Anh-Việt | 2 | | | | | | | 2 | |
| b. | Tự chọn | 2/4 | | | | | | | | |
| 28 | Tiếng Việt thực hành | 2 | 2 | | | | | | | |
| 29 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | 2 | x | | | | | | | |
| II | Khối kiến thức chuyên sâu của ngành | 69 | | | | | | | | |
| a. | Bắt buộc | 65 | | | | | | | | |
| 30 | Nghe cơ bản 1 | 2 | 2 | | | | | | | |
| 31 | Nghe cơ bản 2 | 2 | | 2 | | | | | | |
| 32 | Nghe cơ bản 3 | 2 | | | 2 | | | | | |
| 33 | Nghe cơ bản 4 | 2 | | | | 2 | | | | |
| 34 | Nghe nâng cao | 2 | | | | | 2 | | | |
| 35 | Nói cơ bản 1 | 2 | 2 | | | | | | | |
| 36 | Nói cơ bản 2 | 2 | | 2 | | | | | | |
| 37 | Nói cơ bản 3 | 2 | | | 2 | | | | | |
| 38 | Nói cơ bản 4 | 2 | | | | 2 | | | | |
| 39 | Nói nâng cao | 2 | | | | | 2 | | | |
| 40 | Đọc cơ bản 1 | 2 | 2 | | | | | | | |
| 41 | Đọc cơ bản 2 | 2 | | 2 | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|-----------|---|------------|--------|---|---|---|---|---|---|---|
| 42 | Đọc cơ bản 3 | 2 | | | 2 | | | | | |
| 43 | Đọc cơ bản 4 | 2 | | | | 2 | | | | |
| 44 | Đọc nâng cao 1 | 2 | | | | | 2 | | | |
| STT | Khối kiến thức | Số tín chỉ | HỌC KỲ | | | | | | | |
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| 45 | Đọc nâng cao 2 | 2 | | | | | | 2 | | |
| 46 | Viết cơ bản 1 | 2 | 2 | | | | | | | |
| 47 | Viết cơ bản 2 | 2 | | 2 | | | | | | |
| 48 | Viết cơ bản 3 | 2 | | | 2 | | | | | |
| 49 | Viết cơ bản 4 | 2 | | | | 2 | | | | |
| 50 | Viết nâng cao 1 | 2 | | | | | 2 | | | |
| 51 | Viết nâng cao 2 | 2 | | | | | | 2 | | |
| 52 | Ngữ âm thực hành 1 | 2 | 2 | | | | | | | |
| 53 | Ngữ âm thực hành 2 | 2 | | 2 | | | | | | |
| 54 | Ngữ pháp 1 | 3 | | | 3 | | | | | |
| 55 | Ngữ pháp 2 | 3 | | | | 3 | | | | |
| 56 | Ngữ âm học | 2 | | | | | 2 | | | |
| 57 | Cú pháp học | 2 | | | | | | 2 | | |
| 58 | Đất nước học Anh | 2 | | | | | | 2 | | |
| 59 | Ngữ nghĩa học | 2 | | | | | | 2 | | |
| 60 | Đất nước học Mỹ | 2 | | | | | | | 2 | |
| 61 | Dịch Anh - Việt | 3 | | | | | | | 3 | |
| b. | Tự chọn (chọn 1 trong 4 học phần) | 2/8 | | | | | | | | |
| 62 | Phân tích diễn ngôn * | 2 | | | | | | x | | |
| 63 | Ngữ dụng học * | 2 | | | | | | x | | |
| 64 | Hình thái học * | 2 | | | | | | 2 | | |
| 65 | Giao thoa văn hóa * | 2 | | | | | | x | | |
| D | Khóa luận hoặc các học phần thay thế | 5 | | | | | | | | |
| 66 | Khóa luận | 5 | | | | | | | x | |
| | Các học phần thay thế | 5 | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | |
|-----------|---------------------------------|------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 67 | Dịch Việt - Anh | 3 | | | | | | | | 3 |
| 68 | Kỹ năng thuyết trình | 2 | | | | | | | | 2 |
| TC | TỔNG SỐ TC TOÀN KHÓA (*) | 137 | 18 | 21 | 22 | 17 | 17 | 20 | 12 | 10 |

(*) Không tính kiến thức Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng

10. MÔ TẢ NỘI DUNG VÀ KHỐI LƯỢNG ĐVTC CÁC HỌC PHẦN

1. Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 1

2 tín chỉ

- Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

2. Những nguyên lý cơ bản của triết học Mác - Lênin 2

3 tín chỉ

- Môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin nhằm giúp cho sinh viên:

- Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.

- Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.

- Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 tín chỉ

- Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.

- Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

4. Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam

3 tín chỉ

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên

một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

5. Tin học đại cương

2 tín chỉ

- Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản của tin học, sử dụng thành thạo máy vi tính vào công việc quản lý, lưu trữ tài liệu, biết soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word, biết lập bảng tính, tính toán và quản lý dữ liệu bằng phần mềm Microsoft Excel. Sử dụng mạng Internet để tìm kiếm, download thông tin, tham khảo tài liệu và trao đổi thư điện tử

6. Ngoại ngữ 2 (học phần 1)

2 tín chỉ

- Sinh viên được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự... của tiếng Pháp.
- Sau khi học, sinh viên sẽ biết đếm, nói đơn giản, những vần theo mẫu tự tiếng Pháp.
- Sinh viên có thể vận dụng kiến thức để viết một số câu đơn giản, chia được động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, v.v.

7. Ngoại ngữ 2 (học phần 2)

2 tín chỉ

Học phần này nối tiếp học phần Ngoại ngữ 1.

- Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp.
- Sau khi học, sinh viên sẽ biết cách đề nghị, từ chối, chấp thuận, đề ra chương trình hoạt động.
- Sinh viên có thể vận dụng kiến thức để viết một số câu đơn giản, chia được động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức Mệnh lệnh; biết chỉ đường, định vị trong không gian, v.v.

8. Ngoại ngữ 2 (học phần 3)

3 tín chỉ

- Sinh viên được làm quen với các bài khóa từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư.
- Sau khi học, sinh viên sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.
- Sinh viên có thể vận dụng kiến thức để hợp giống số danh từ, tính từ; chia các động từ ở thời quá khứ kép, v.v.

9. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 tín chỉ

Môn Research Writing nhằm giới thiệu cho sinh viên những phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như các bước cơ bản khi tiến hành một đề tài nghiên cứu. Cụ thể sinh viên sẽ được trang bị kiến thức làm thế nào chọn đề tài nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, thu thập, phân tích dữ liệu và trình bày kết quả nghiên cứu...

10. Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý GD - ĐT

2 tín chỉ

- Đây là môn học về những thủ tục hành chính nhà nước, nghiên cứu một cách tổng quát nhất về những vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, về tư tưởng của Nhà nước

trong các hoạt động chính trị – xã hội. Từ đó sinh viên có thể nêu lên những sáng kiến, giải pháp hoặc quan điểm cá nhân tới những vấn đề còn tồn tại trong thủ tục hành chính và các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của đất nước.

11. Giáo dục thể chất

3 tín chỉ

- Giáo dục cho sinh viên những hiểu biết và những kỹ năng cần thiết về thể dục thể thao, trên cơ sở phát triển thể lực toàn diện và củng cố sức khỏe.

12. Giáo dục quốc phòng

3 tín chỉ

- Giáo dục tri thức trẻ kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc, về nghệ thuật quân sự Việt Nam về chiến lược “điển biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Trang bị kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

13. Tâm lý học đại cương

2 tín chỉ

- Tâm lý học đại cương là học phần nền tảng giúp sinh viên có những kiến thức ban đầu về tâm lý con người. Từ đó giúp sinh viên (giáo sinh) có thể vận dụng để định hướng cho việc giảng dạy và giao tiếp với học sinh sau này.

- Học phần Tâm lý học đại cương cung cấp kiến thức về bản chất của hiện tượng tâm lý người; hoạt động, giao tiếp đối với sự hình thành và phát triển tâm lí, ý thức; hoạt động nhận thức, trí nhớ, tình cảm, hành động ý chí và nhân cách. Từ những kiến thức đó sinh viên liên hệ để giải thích hiện tượng tâm lí trong học tập và trong cuộc sống, rèn luyện tâm lý và nhân cách. Đồng thời hình thành phát triển kỹ năng thấu hiểu, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình thông qua giải quyết nhiệm vụ học tập môn tâm lí học đại cương.

14. Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm

3 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu rõ các hiện tượng và quy luật tâm lý theo các lứa tuổi, qua đó nêu lên nguyên nhân, động lực của sự phát triển tâm lý cùng những đặc trưng tâm lý qua các giai đoạn phát triển.

15. Giáo dục học đại cương

2 tín chỉ

- Giáo dục học đại cương là học phần tiên quyết của việc đào tạo sinh viên sư phạm. Giáo dục học nghiên cứu về sự hình thành, phát triển, bản chất, các quy luật và kinh nghiệm của quá trình hình thành nhân cách của con người. Việc được học tập môn học này là hết sức quan trọng đối với sinh viên sư phạm, hình thành những kinh nghiệm, hiểu biết có tính chất nền tảng của việc giáo dục con người và nghề giáo.

- Cụ thể, môn giáo dục học đại cương có những nội dung sau: giáo dục học là một khoa học (tính chất, chức năng, đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu của giáo dục),

sự hình thành và phát triển nhân cách con người (khái niệm nhân cách, vai trò của các yếu tố hình thành nhân cách, giáo dục và các giai đoạn phát triển nhân cách theo lứa tuổi,...), mục đích giáo dục, nhiệm vụ giáo dục, các con đường giáo dục,...

16. Lý luận dạy học và lý luận giáo dục

3 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên hiểu các khái niệm cơ bản và các mối quan hệ giữa chúng trong hệ thống lý luận của Dạy và Học diễn ra trong nhà trường và các cơ sở giáo dục. Qua đó, giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức đã được học để soạn giáo án cho một bài giảng cụ thể bao gồm cả lý thuyết và thực hành.

17. Giao tiếp sư phạm

2 tín chỉ

- Đây là môn học giúp sinh viên lĩnh hội được quá trình tiếp xúc tâm lý giữa các chủ thể trong quá trình giáo dục, nhằm trao đổi thông tin, cảm xúc, nhận thức và tác động, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau, thiết lập nên những mối quan hệ để thực hiện mục đích giáo dục. Ngoài ra, môn học này còn giúp sinh viên nắm rõ được sự tiếp xúc tâm lý giữa GV và HS nhằm truyền đạt và lĩnh hội tri thức khoa học, vốn kinh nghiệm sống, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng để xây dựng và phát triển toàn diện nhân cách cho HS.

18. Đánh giá kết quả giáo dục của học sinh

2 tín chỉ

Hoàn tất học phần này, sinh viên cần nắm vững kiến thức cơ bản của quá trình ra đề kiểm tra và vận dụng kiến thức đã học để ra đề kiểm tra ở trường THCS

19. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên

3 tín chỉ

Rèn nghiệp vụ sư phạm thường xuyên giúp sinh viên bồi dưỡng tay nghề cũng như hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm cho giáo viên sau khi đã hoàn tất các học phần về phương pháp giảng dạy.

20. Thực hành dạy học tại trường sư phạm

2 tín chỉ

Học phần Thực hành dạy học tại trường sư phạm giúp hình thành và phát triển kỹ Năng dạy học cũng như phẩm chất nghề nghiệp cho sinh viên. Học phần được chia thành hai phần; phần một là kiến thức giúp sinh viên hiểu được tầm quan trọng của việc dự giờ, những việc cần làm trước và sau khi dự giờ, góp ý với tinh thần xây dựng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, cách quản lý lớp học, sử dụng giáo cụ trực quan trong dạy học. Phần hai là thực hành giảng dạy nhằm tạo cơ hội cho sinh viên dạy một bài hay một phần theo chương trình giảng dạy ở bậc phổ thông trung học. Sinh viên sẽ ứng dụng những lý thuyết đã học vào thực tế, linh động và sáng tạo sử lý những tình huống sư phạm trong lớp học

21. Kiến tập sư phạm

2 tín chỉ

- Học phần thực tập sư phạm đợt 1 nhằm giúp sinh viên từng bước làm quen với những công việc cũng như các hoạt động dạy học ở trường phổ thông. Cụ thể sinh viên đến các trường phổ thông và sẽ tập làm công tác chủ nhiệm, xây dựng kế hoạch các hoạt động cho lớp chủ nhiệm cũng như tham gia các phong trào đoàn thể. Sinh viên nghe báo cáo và

viết thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục, nghe báo cáo của tổ chuyên môn, dự giờ giáo viên hướng dẫn hay giáo viên trong tổ, thiết kế bài giảng, trực tiếp giảng dạy dưới sự giám sát và hỗ trợ của giáo viên hướng dẫn.

22. Thực tập sư phạm

5 tín chỉ

- Thực tập sư phạm đợt 2 là khâu cuối cùng và quan trọng trong việc đào tạo và rèn luyện năng lực sư phạm cho những giáo viên tương lai. Giáo sinh sẽ vận dụng những kiến thức đã lĩnh hội trên lớp cũng như kinh nghiệm giảng dạy trong lần thực tập trước một cách chi tiết hơn để thực hiện những công việc thực thụ của một giáo viên phổ thông. Giáo sinh phải tự soạn giảng những tiết dạy các kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) hay kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, ngữ pháp) và trực tiếp giảng dạy cho các khối lớp khác nhau. Gs cũng phụ trách 1 lớp chủ nhiệm, lên kế hoạch chi tiết từng tiết chủ nhiệm đặc biệt quan tâm những hs cá biệt hay hs có hoàn cảnh đặc biệt, khéo léo vận dụng kiến thức đã học nhằm xử lý các tình huống sư phạm mang tính giáo dục cao. Gs chủ động sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học và rèn luyện các kỹ năng giáo dục và dạy học trong thực tế nhà trường, từ đó hình thành thành ý thức tinh thần trách nhiệm, nâng cao tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị bước vào nghề.

23. Cơ sở lí luận dạy và học ngôn ngữ

2 tín chỉ

-Kết thúc học phần này, sinh viên khái quát bản chất của quá trình học ngôn ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, tóm lược đặc điểm nổi bật của các phương pháp giảng dạy tiếng Anh.

24. Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 1

3 tín chỉ

KTGD TA (1) (Teaching the what) hướng dẫn sinh viên chuyên Anh ngữ cách giảng dạy các thành tố ngôn ngữ. Học phần bao gồm:

Kỹ thuật dạy từ vựng bao gồm phân loại từ vựng, các bước dạy từ mới, các thủ thuật giải thích nghĩa của từ, các hoạt động dạy & ôn từ vựng. Tiến trình dạy cấu trúc câu, các thủ thuật xây dựng ngữ cảnh, luyện tập cấu trúc câu. Các bước & thủ thuật dạy luyện âm, cách dạy một bài hội thoại và chuẩn bị giáo án.

25. Kỹ thuật giảng dạy tiếng Anh 2

3 tín chỉ

KTGD TA (2) (Teaching the how) hướng dẫn sinh viên chuyên Anh ngữ hiểu và vận dụng phương pháp giao tiếp để dạy các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Học phần bao gồm:

Dạy kỹ năng tiếp thu ngôn ngữ (receptive skills) gồm 2 kỹ năng nghe và đọc. Các thủ thuật nghe & đọc, tiến trình lên lớp một giờ dạy đọc hiểu & nghe hiểu theo phương pháp giao tiếp. Dạy kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (productive skills) gồm 2 kỹ năng nói & viết. Các hoạt động giao tiếp hằng ngày, và những hoạt động phát triển các kỹ năng viết có thể áp dụng ở THCS. Các phương pháp tổng hợp các kỹ năng ngôn ngữ & các thành tố ngôn ngữ.

26. Dẫn luận ngôn ngữ học

2 tín chỉ

Dẫn luận ngôn ngữ là học phần mở đầu cho môn tiếng Việt, nghiên cứu những kiến thức đại cương của ngôn ngữ. Cụ thể nghiên cứu những vấn đề tổng quan về ngôn ngữ và ngôn ngữ học như : bản chất và chức năng của ngôn ngữ, tính hệ thống của ngôn ngữ, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ, phân loại ngôn ngữ. Nghiên cứu ngữ âm và chữ viết của ngôn ngữ như âm tố nguyên âm, âm tố phụ âm, âm vị, chữ viết. Nghiên cứu từ vựng với các vấn đề khái quát như: các đơn vị từ vựng, ý nghĩa từ vựng, các lớp từ, vấn đề hệ thống hóa từ vựng. Nghiên cứu ngữ pháp với các vấn đề như : ý nghĩa ngữ pháp, phương thức ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp, đơn vị ngữ pháp. Những khái niệm mà học phần cung cấp sẽ là những công cụ cơ sở mà sinh viên sẽ vận dụng suốt quá trình học môn tiếng Việt và trong suốt quá trình nghiên cứu, học tập về ngôn ngữ học (trong đó có tiếng Anh)

27. Ngôn ngữ đối chiếu Anh - Việt

2 tín chỉ

Ngôn ngữ học đối chiếu là một phân ngành của ngôn ngữ học tập trung vào việc so sánh một cách hệ thống hai hay nhiều ngôn ngữ, miêu tả những điểm tương đồng và khác biệt giữa chúng ở các cấp độ ngữ âm học, cú pháp học, ngữ nghĩa học, ngữ dụng học và phong cách học. Dựa vào những thành tựu của ngôn ngữ học miêu tả và loại hình học, ngôn ngữ học đối chiếu so sánh các ngôn ngữ nhằm góp phần cung cấp những thủ pháp, kỹ năng cho người học và giảng dạy ngôn ngữ và ngoại ngữ.

28. Tiếng Việt thực hành

2 tín chỉ

- Giúp sinh viên phát triển các kỹ năng sử dụng tiếng Việt; góp phần cùng các môn học khác phát triển ở người học một tư duy khoa học vững vàng.
- Rèn luyện sinh viên kỹ năng dùng từ và đặt câu.
- Rèn luyện sinh viên đi từ kỹ năng chung nhất về tạo lập và tiếp nhận văn bản đến kỹ thuật viết luận văn và tiểu luận khoa học trong nhà trường.

29. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản mang tính hệ thống về văn hóa Việt Nam cùng phương pháp tiếp cận đề sau này sinh viên có thể tự mình tiếp tục tìm hiểu và nghiên cứu.

30. Nghe cơ bản 1

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần:

Phần 1: Cung cấp cho sinh viên từ vựng theo chủ đề, ngữ pháp, và cách phát âm.

Phần 2: Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng làm bài phần 1,2,3,4, và 5 của đề thi Nghe KET.

Phần 3: Cung cấp các bài thi mẫu để sinh viên luyện tập và vận dụng các kiến thức và Kỹ năng ở 2 phần trên.

31. Nghe cơ bản 2

2 tín chỉ

Nội dung môn học được thiết kế theo từng tuần. Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe tiếng Anh thông qua luyện tập các đề thi PET (B1). Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để học cũng như ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản của mình (Listening for a gist và Listening for a

detail).

32. Nghe cơ bản 3

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 13 bài. Mỗi bài 2 phần:

Phần 1: Cung cấp cho sinh viên từ vựng theo chủ đề, ngữ pháp.

Phần 2: Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng làm bài phần 1,2,3,4 của đề thi Nghe FCE.

Tiếp theo, cung cấp các phần thi mẫu để sinh viên luyện tập và vận dụng các kiến thức và Kỹ năng.

33. Nghe cơ bản 4

2 tín chỉ

- Đây là môn học bắt buộc để sinh viên có thể học tiếp môn Nghe nâng cao. Đã từ lâu tiếng Anh trở thành thứ tiếng của toàn cầu nên môn tiếng Anh trở thành một môn không thể thiếu trong hệ thống giáo dục, nhằm trang bị cho thế hệ trẻ những hành trang hội nhập với toàn cầu. Chính vì vậy trường Đại học Đồng Nai áp dụng chuẩn đầu ra cho các sinh viên trong đó FCE là một thước đo quan trọng, đặc biệt sinh viên cao đẳng sư phạm năm cuối. Nghe 4 sẽ giúp sinh viên ứng dụng các thủ thuật khác nhau để từng bước hoàn thiện làm bài thi Nghe FCE. Ngoài ra, môn học còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ vựng học thuật giúp sinh viên nâng cao giao tiếp bằng tiếng Anh.

- Hình thức thi cuối kỳ theo chuẩn FCE (B2 khung Châu Âu)

34. Nghe nâng cao

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần:

Phần 1: Giới thiệu các đặc điểm của đề thi Nghe IELTS

Phần 2: Các dạng câu hỏi của đề thi Nghe IELTS

Phần 3: Các kỹ năng nghe.

35. Nói cơ bản 1

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1:

Các chủ đề giao tiếp

- Gồm 10 chủ đề cơ bản thường gặp trong cuộc sống.

Phần 2:

Mô tả và so sánh cặp tranh

- Tìm hiểu và nhận dạng các chi tiết có trong từng cặp tranh.

- Thực hành mô tả cặp tranh và trình bày sự giống nhau/ khác nhau của cặp tranh theo định hướng FCE

36. Nói cơ bản 2

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1:

Các chủ đề giao tiếp

- Gồm 12 chủ đề cơ bản thường gặp trong cuộc sống.

Phần 2:

Các chủ đề mô tả theo câu hỏi gợi ý

- Tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi Nói IELTS part 2.
- Thực hành nói theo các dạng câu hỏi của đề thi Nói IELTS part 2

37. Nói cơ bản 3

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1:

Hướng dẫn các bước và cách thực hiện một bài thảo luận

Giới thiệu 10 chủ đề thảo luận

Phần 2:

Sinh viên thực hành các câu hỏi thảo luận thông qua hình ảnh với sự hướng dẫn của giảng viên

38. Nói cơ bản 4

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1:

Giới thiệu các sơ đồ hoặc tranh ảnh cho hoạt động học suốt học phần

Hướng dẫn các bước và cách thực hiện bài thi FCE phần 3 và 4

Cung cấp các cấu từ vựng phù hợp, trúc câu và hướng dẫn cách vận dụng cấu trúc câu vào các bài thực hành thực tế

Phần 2:

Sinh viên áp dụng lý thuyết vào bài thực hành với nhóm với sự hướng dẫn của giảng viên

Sinh viên thực hành thảo luận theo định hướng bài thi FCE phần 3

39. Nói nâng cao

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần:

Phần 1:

Giới thiệu cấu trúc đề thi Nói IELTS

Tìm hiểu cấu trúc đề thi Nói IELTS

Phần 2: Kỹ năng trả lời trong phần 1 đề thi Nói IELTS

Tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi Nói IELTS phần 1.

Thực hành trả lời theo các dạng câu hỏi của đề thi Nói IELTS phần 1.

Phần 3: Kỹ năng trả lời trong phần 2 đề thi Nói IELTS

Tìm hiểu và nhận dạng các chủ đề của đề thi Nói IELTS phần 2.

Thực hành nói theo các dạng câu hỏi của đề thi Nói IELTS phần 2.

40. Đọc cơ bản 1

2 tín chỉ

Những bài đọc hiểu trong học phần “Đọc hiểu (1)” bao gồm những chủ đề khác nhau. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế với những kỹ thuật đọc khác nhau, và tổng hợp các kỹ năng nghe, nói đọc viết nhằm giúp sinh viên củng cố kiến thức của bài đọc hiểu.

41. Đọc cơ bản 2

2 tín chỉ

Những bài đọc trong học phần “Đọc hiểu cơ bản (2)” bao gồm những chủ đề khác nhau. Mỗi đơn vị bài học được thiết kế với những kỹ thuật đọc khác nhau, nâng cao và tổng hợp các kỹ năng nói đọc viết nhằm giúp sinh viên củng cố kiến thức của bài đọc hiểu. Ngoài ra, sinh viên có thể gia tăng vốn từ vựng qua các kỹ thuật đoán từ trong

ngữ cảnh của bài văn.

42. Đọc cơ bản 3

2 tín chỉ

Các bài đọc trong học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng đoán từ qua ngữ cảnh và nâng cao vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề trong cuộc sống. Ngoài ra, sinh viên có thể nắm bắt và vận dụng các kiến thức về ngữ pháp, từ nối, giới từ, động từ thành ngữ, các kết hợp cấu tạo nhóm từ. Các kỹ năng đọc như skimming, scanning, prediction, inference, summary cũng được chú trọng rèn luyện nhằm phát triển kỹ năng đọc cho sinh viên.

43. Đọc cơ bản 4

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1: Introduction

- Exam guide – Reading & Use of English

Giới thiệu cho SV 7 parts trong phần Reading & Use of English và kỹ thuật làm các phần này

Phần 2: Practice Test

Thực hành 6 tests

44. Đọc nâng cao 1

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 2 phần:

Phần 1:

Giải quyết các dạng câu hỏi thường gặp (phần 2)

Tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 2.

Thực hành trả lời theo các dạng câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 2.

Phần 2: Luyện tập IELTS Reading với các kỹ năng và dạng câu hỏi vừa học

45. Đọc nâng cao 2

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần:

Phần 1:

Giới thiệu cấu trúc đề thi IELTS Reading và các kỹ năng đọc

Tìm hiểu cấu trúc đề thi đọc IELTS

Phần 2:

Giải quyết các dạng câu hỏi thường gặp (phần 1)

Tìm hiểu và nhận dạng các loại câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 1.

Thực hành trả lời theo các dạng câu hỏi của đề thi đọc IELTS phần 1.

Phần 3:

Luyện tập IELTS Reading với các kỹ năng và dạng câu hỏi vừa học

46. Viết cơ bản 1

2 tín chỉ

Vì câu là đơn vị nòng cốt trong ngôn ngữ, nên học phần này sẽ tập trung xây dựng cho sinh viên các kỹ năng viết về câu. Cụ thể như sau:

+ **Các loại câu** : Trong chương này sinh viên sẽ phát triển viết các loại câu theo mẫu.

Bằng cách lựa chọn và phối hợp các mệnh đề, sinh viên sẽ thực hành viết để đạt được sự nhuần nhuyễn về các loại câu như câu đơn, câu kép, câu phức, câu phức kép, bên cạnh đó sinh viên còn được hướng dẫn cách sử dụng các từ nối câu và các liên từ phụ để xây dựng các loại câu sao cho hiệu quả. Kết thúc của mỗi đơn vị bài học sẽ là các bài tập rèn luyện viết câu mà nhằm vào đa dạng các bài tập như nhận diện các loại câu, xác định các kiểu mẫu câu, xác định chủ từ, động từ, túc từ, các thành phần bổ nghĩa cho câu, cho động từ,

xây dựng câu, biến đổi câu, viết tóm tắt đoạn văn, nhận diện các lỗi thông thường trong câu, viết thư trên cơ sở các ngữ liệu gợi ý.

+**Mệnh đề**: Trong các đơn vị bài học này, Sinh viên sẽ phân biệt và thực hành được các loại mệnh đề độc lập, mệnh đề chính và mệnh đề phụ. Trọng tâm của đơn vị bài học xoay sâu vào mệnh đề phụ như các hình thức mệnh đề danh từ, mệnh đề tính từ, mệnh đề trạng từ, vị trí của các loại mệnh đề này trong tương quan ngữ pháp với các thành phần khác trong câu.

+ **Cụm từ**: Các đơn vị bài học này sẽ giúp sinh viên nắm vững chức năng trong câu của các loại cụm từ như cụm nguyên thể, cụm giới từ, cụm phân từ, cụm danh từ và mệnh đề rút gọn để từ đó sử dụng chúng hiệu quả trong câu.

Cách viết câu hiệu quả: Trong phần này sinh viên sẽ nắm vững các kỹ thuật để viết một câu hoàn chỉnh và hiệu quả qua việc sử dụng các loại từ nối, biết kết nối các ý tưởng một cách mạch lạc và nhất quán.

47. Viết cơ bản 2

2 tín chỉ

Sinh viên cần nắm được các thành phần chính của một đoạn văn bắt đầu với việc tìm hiểu tổng quát về một đoạn văn, xác định ba thành phần cốt lõi của một đoạn văn bao gồm câu chủ đề, các câu hỗ trợ câu chủ đề, câu kết luận. Trong phần này, sinh viên nhìn chung phải nhận diện được câu chủ đề tốt từ câu chủ đề không tốt, viết được câu chủ đề, xác định được các câu hỗ trợ có liên quan đến câu chủ đề thông qua dữ kiện, ý kiến cá nhân, ví dụ minh họa, thống kê, trích dẫn, nhật ra được các câu không liên quan, viết được các câu hỗ trợ câu chủ đề, xác định và viết được các câu kết đoạn, câu bày tỏ ý kiến cá nhân sau cùng. Kết thúc các đơn vị bài học này, sinh viên có thể thực hành viết được 3 loại câu chính của một đoạn văn và một đoạn văn ngắn dựa trên các chủ đề cho trước. Sau phần này các em tiếp tục khai thác cách viết câu hỗ trợ và câu kết sao cho đoạn văn đạt được tính thống nhất và tính chặt chẽ mạch lạc của đoạn văn. Cụ thể là sinh viên sẽ biết được thể nào là một đoạn văn có tính nhất quán và làm thế nào đạt được tính kết dính và chặt chẽ thông qua việc lặp lại các danh từ then chốt, các danh từ thay thế then chốt, sử dụng nhất quán đại từ, sử dụng phù hợp các từ chuyển đổi ý và sắp xếp có logic của một đoạn văn. Để viết được các câu hỗ trợ tốt sinh viên cũng cần được hướng dẫn cách tìm ý cho đoạn văn của mình thông qua dữ kiện, trích dẫn thống kê, cách viết câu trích dẫn để tránh đạo văn, cũng trong phần này các em sẽ được dạy cách động não ý tưởng để tìm ý cho việc viết đoạn văn, biết cách viết nháp và hoạt động viết theo cặp, nhóm để tìm ý tưởng. Hơn nữa trong học phần này, các em có thể viết được một số đoạn văn ngắn với số lượng từ khoảng 120 từ về các chủ đề phổ thông như: *Đồ vật ưa thích, Người họ hàng yêu mến, Công viên gần nhà, Một chuyến đi cùng gia đình, Cách làm 1 món ăn nhanh, Một chương trình truyền hình thú vị*. Mục đích của phần này là giúp các em làm quen với các đoạn văn ngắn đơn giản, quen thuộc để mà các em có thể tiếp tục học viết về các thể loại của đoạn văn trong môn viết 3 sau này.

48. Viết cơ bản 3

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần và được phân bố cụ thể như sau:

Phần 1: Giới thiệu tổng quát cấu trúc của môn học viết cơ bản 3.

Định hướng cách học viết cơ bản 3 sao cho có hiệu quả nhất.

Phần 2: Hướng dẫn các em cách viết các thể loại đoạn văn bắt buộc có trong khung chương trình học phần viết cơ bản 3 như: đoạn văn định nghĩa, quá trình, nguyên nhân-kết quả, so sánh-đối chiếu và bày tỏ quan điểm.

Phần 3: Giúp các em gia tăng vốn từ vựng, đa dạng các loại câu, củng cố kiến thức ngữ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG NAI



**MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH SƯ PHẠM ANH**

ĐỒNG NAI, 2018

Môn học giới thiệu các khái niệm cơ bản của ngữ âm và hệ thống ngữ âm tiếng Anh bao gồm âm, trọng âm, và ngữ điệu. Sinh viên được học lý thuyết cách phát âm và sau đó có cơ hội thực hành luyện âm tiếng Anh ở 3 mức độ

- Chữ cái và âm;
- Âm tiết, từ và câu
- Hội thoại

Môn học giúp nâng cao nhận thức của sinh viên học tiếng Anh về tầm quan trọng của việc phát âm chuẩn xác. Môn học này giới thiệu cho sinh viên:

- hệ thống/ ký hiệu hệ thống phiên âm quốc tế (12 nguyên âm, 24 phụ âm, 9 nhị trùng âm, và 3 tam trùng âm)
- cách phát âm các nguyên âm, nhị trùng âm, tam trùng âm
- cách nhấn trọng âm của từ
- các dạng ngữ điệu trong văn nói

Kết thúc học phần Ngữ âm thực hành 1, sinh viên có khả năng:

- đọc các ký tự phiên âm quốc tế trong tự điển.
- phát âm đúng các nguyên âm.
- xác định trọng âm của từ và đọc chuẩn xác hơn.
- trả lời những câu đơn giản và áp dụng ngữ điệu phù hợp với các tình huống giao tiếp.

53. Ngữ âm thực hành 2

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 4 phần:

Phần 1: English consonant sounds and consonant clusters

Phần 2: Linking sounds and Reductions

Phần 3: Syllables and Stress

Phần 4: Intonation

54. Ngữ pháp 1

3 tín chỉ

Nội dung môn học được thiết kế theo từng tuần. Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên phát triển và cải thiện các vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Sinh viên có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngữ pháp tiếng Anh thông qua các dạng bài tập thực hành và các hoạt động học tập khác.

55. Ngữ pháp 2

3 tín chỉ

Nội dung môn học được thiết kế theo từng tuần. Chương trình môn học nhằm giúp sinh viên phát triển và cải thiện các vấn đề về ngữ pháp tiếng Anh. Sinh viên có nhiều cơ hội tiếp xúc với ngữ pháp tiếng Anh thông qua các dạng bài tập thực hành và các hoạt động học tập khác.

Môn Ngữ Pháp tiếng Anh 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về ngữ pháp lý thuyết và giúp sinh viên nhận biết, sử dụng ngữ pháp tiếng Anh linh hoạt và chính xác. Môn học giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức và tạo nền tảng vững chắc giúp sinh viên học tốt chương trình môn học. Hỗ trợ sinh viên một cách tốt nhất trong việc hoàn thiện các kỹ năng tiếng Anh.

56. Ngữ âm học

2 tín chỉ

- Học phần ngữ âm học (phonetics & phonology) giúp sinh viên hiểu đặc điểm của nguyên âm, phụ âm, xác định vị trí cũng như cách phát âm của 44 âm trong tiếng Anh. Ngoài ra sinh viên có thể xác định trọng âm của từ, của câu & ngữ điệu cho từng loại câu;

- Quan hệ về nghĩa của từ và câu (quan hệ đồng nghĩa, trái nghĩa, quan hệ đồng âm, đồng tự, quan hệ đa nghĩa, quan hệ hàm nghĩa,...)

- Hành động nói, tiền giả định, hàm ý, hành động ngôn từ và hành động trung ngôn, hành động nói trong tình huống

- Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ phát triển khả năng tư duy phê phán và bước đầu biết đánh giá các vấn đề của ngữ nghĩa học.

60. Đất nước học Mỹ

2 tín chỉ

Môn văn hoá văn minh Mỹ nhằm cung cấp và trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về lĩnh vực văn hoá và văn học Mỹ. Cụ thể môn học giúp SV:

+ Giới thiệu sinh viên lối sống, thái độ, và đặc điểm, phong tục tập quán của người Mỹ.

+Giúp sinh viên phát triển khả năng ngôn ngữ tiếng Anh thông qua các bài đọc và các loại hình bài tập về đọc hiểu và từ vựng có liên quan đến các nội dung văn hóa của Hoa Kỳ.

61. Dịch Anh - Việt

3 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần và được phân bố cụ thể như sau:

Phần 1:

Giới thiệu môn học, cách học, cách đánh giá sinh viên và cấu trúc đề thi môn dịch Anh-Việt

Định hướng cách học dịch Anh-việt sao cho hiệu quả nhất

Phần 2: Hướng dẫn các em cách dịch các câu rời dựa trên học liệu ngôn ngữ và học liệu nội dung.

Phần 3: Hướng dẫn các em cách dịch các đoạn văn dài ở cấp độ ngôn bản, hướng dẫn các em chú ý

đến các kỹ thuật dịch thường gặp và tránh các lỗi thông thường khi học môn dịch.

62. Phân tích diễn ngôn

2 tín chỉ

Môn học này nhằm cung cấp cho người học một số vấn đề liên quan đến việc phân tích diễn ngôn và văn bản. Đồng thời giúp người học thấy được mối liên hệ giữa phân tích diễn ngôn và việc giao tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên có thể nắm vững các vấn đề sau:

Khái niệm diễn ngôn

Phân tích diễn ngôn

Các thể loại và chủ đề

Mạch lạc và liên kết

63. Ngữ dụng học:

2 tín chỉ

Giới thiệu cho học sinh một số khái niệm cơ bản về ngữ dụng học, mối quan hệ của nó với các ngành học khác như ngữ nghĩa học, cú pháp, phân tích diễn ngôn, quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai..., và việc ứng dụng ngữ dụng học vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như giảng dạy ngoại ngữ, văn chương, luật, giao tiếp nơi công sở, v.v.

Cụ thể sinh viên có thể nắm vững:

Vai trò của nghiên cứu Ngữ dụng học

Hành vi ngôn ngữ, hành vi tại lời trực tiếp và gián tiếp, phân loại hành động nói

Các khái niệm ngữ nghĩa dụng học: nghĩa hàm ẩn, nghĩa tường minh, tiền giả định, hàm ý.

64. Hình thái học

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 6 phần:

Phần 1:

Morphemes

- Phần 2:**
Derivations and Inflections
- Phần 3:**
Immediate Constituents
- Phần 4:**
English words
- Phần 5:**
Special Processes of word formation
- Phần 6:**
Morphophonemic changes

65. Giao thoa văn hóa

3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức giao tiếp và sự khác biệt giữa các nền văn hóa trên thế giới. Từ đó xây dựng được kỹ năng giao tiếp tốt với người bản xứ.

Học phần cung cấp cho sinh viên tiếng Anh kiến thức chung về cách thức giao tiếp hiệu quả giữa những người không cùng một nền văn hóa. Từ đó sinh viên hiểu và rèn luyện kỹ năng giao tiếp tốt nhằm tránh lỗi lầm trong thực tế giao tiếp với người nước ngoài. Khi sinh viên nắm được kỹ năng về cách thức giao tiếp, họ sẽ nhận thức được sự khác biệt giữa các nền văn hóa và tự tin khi giao tiếp với người bản xứ.

66. Khóa luận

5 tín chỉ

Khóa luận là học phần tự chọn thay cho các môn học kỳ cuối, qua đó sinh viên làm quen với công tác nghiên cứu khoa học, biết cách thực hiện một công trình khoa học quan trọng, có cơ hội phát triển kỹ năng tổng hợp những kiến thức đã tiếp thu trong lĩnh vực chuyên ngành để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.

67. Dịch Việt - Anh

3 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 3 phần và được phân bố cụ thể như sau:

Phần 1: Giới thiệu môn học, cách học, cách đánh giá sinh viên và cấu trúc đề thi môn dịch Việt-Anh. Định hướng cách học dịch Việt-Anh sao cho hiệu quả nhất

Phần 2: Hướng dẫn các em cách dịch các câu rời dựa trên học liệu ngôn ngữ và học liệu nội dung.

Phần 3: Hướng dẫn các em cách dịch các đoạn văn dài ở cấp độ ngôn bản, hướng dẫn các em chú ý đến các kỹ thuật dịch thường gặp và tránh các lỗi thông thường khi học môn dịch.

68. Kỹ năng thuyết trình

2 tín chỉ

Nội dung môn học gồm 02 phần:

Phần 1:

Lý thuyết

- Giới thiệu môn học, mục tiêu khóa học, cách đánh giá.
- Xác định những gì làm cho một bài thuyết trình có hiệu quả
- Thực hành trình bày thông tin cơ bản
- Giới thiệu bản thân và phần thuyết trình của bạn
- Cách tổ chức một buổi thuyết trình
- Từ và cụm từ quan trọng để liên kết ý tưởng
- Trình bày những lợi thế của việc nói hơn là đọc một bài thuyết trình

- Cách sử dụng ngôn ngữ, thực hành thay đổi ngôn ngữ viết thành ngôn ngữ nói
- Trình bày cách thiết kế và sử dụng các phương tiện trực quan tốt
- Mô tả xu hướng, biểu đồ và đồ thị
- Thực hành thiết kế và sử dụng các phương tiện trực quan
- Tầm quan trọng của ngôn ngữ cơ thể
- Cách nói nhấn mạnh và giảm thiểu
- Thực hành sử dụng ngôn ngữ và ngôn ngữ cơ thể để truyền đạt thông điệp của bạn một cách rõ ràng và thuyết phục
- Kết thúc hiệu quả cho bài thuyết trình và ngôn ngữ kết thúc
- Thực hành kết thúc một bài thuyết trình
- Trình bày cách xử lý câu hỏi hiệu quả khi kết thúc bài thuyết trình
- Đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi
- Thực hành xử lý các câu hỏi
- Xem lại những gì làm cho một bài thuyết trình tốt và học đánh giá hiệu quả của một bài thuyết trình
- Thực hành trình bày và đánh giá bài thuyết trình

Phần 2:

Thực hành kỹ năng thuyết trình

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Le Duc Cu
 Lê Đức Cú

TRƯỞNG KHOA

lh
 Võ Thị Mộng Thu

